

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18 – 6 – 2020

“Về tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hứa Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Xuân Minh

2. Ông Huỳnh Văn Năm

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Việt Xô, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2020/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị L, sinh năm: 1988 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn S Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Minh T, sinh năm: 1985 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn S Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 16/4/2020, chị Huỳnh Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Minh T xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T H, huyện T, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, chị L cho rằng tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không êm ấm, hạnh phúc. Do đó, chị xét thấy tình cảm vợ, chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị L xác định giữa chị và anh T có 01 người con chung là Phạm Huỳnh Như Y, sinh ngày 18/3/2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con; không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị L xác định vợ, chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L khai giữa vợ, chồng chị không thiếu nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng chị.

* Tại đơn xin vắng mặt ngày 16/4/2020, anh Phạm Minh T trình bày: Về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung đúng như chị L trình bày. Anh thống nhất các vấn đề trong đơn yêu cầu ly hôn của chị L đặt ra. Do điều kiện làm ăn xa nên anh xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa chị L và anh T là tranh chấp về ly hôn và nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc đề nghị vắng mặt của chị L và anh T, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh T theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị L và anh Phạm Minh T xác lập quan hệ vợ, chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Xét mâu thuẫn thực tế giữa chị L và anh T là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ, chồng anh chị có nhiều điểm bất đồng, không hòa hợp nhau, thường xuyên cãi vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và sinh hoạt riêng tư, không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau, cuộc sống không hạnh phúc, đồng thời anh T thống nhất ly hôn với chị L. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L ly hôn với anh T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị L và anh T xác định giữa anh, chị có 01 người con chung là Phạm Huỳnh Như Y, sinh ngày 18/3/2015, hiện sống chung với chị L. Khi ly hôn, chị L và anh T thống nhất giao cháu Y cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng; không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự trên tinh thần tự nguyện, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị L và anh T xác định tự thỏa thuận nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị L và anh T khai giữa vợ, chồng chị không thiếu nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng chị nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị L về việc ly hôn anh Phạm Minh T.

2. Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh T và chị L – tiếp tục giao cháu Phạm Huỳnh Như Y, sinh ngày 18/3/2015 cho chị Huỳnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Phạm Minh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị L và anh T tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: Chị L và anh T khai giữa vợ, chồng chị không thiếu nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng chị nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị L phải chịu 300.000đ. Ngày 16 tháng 4 năm 2020, chị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 3454 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị L và anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã T H, huyện T;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải